

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69 /STP-BTTP
V/v triển khai thực hiện
Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg;
Thông tư số 24/2013/TT-BTTTT và
Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Kính gửi:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Giao thông - Vận tải;
- Sở Xây dựng;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Y tế;
- Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh;
- Trung tâm Pháp y tỉnh.

Ngày 01/01/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 quy định về hồ sơ giám định tư pháp và các biểu mẫu giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, Thông tư số 24/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

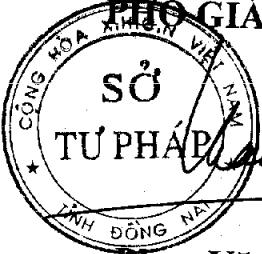
Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 255/UBND-NC và Văn bản số 256/UBND-NC ngày 09/01/2014, Sở Tư pháp đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cập nhật vào trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn/vbqp> để tải nội dung Quyết định, Thông tư nêu trên, triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị gửi văn bản về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trang Thông tin điện tử STP;
- Lưu: VT, BTTP.

KT. GIÁM ĐỐC
THỦ GIÁM ĐỐC
SỞ
TƯ PHÁP
Phan Văn Châu



Phan Văn Châu



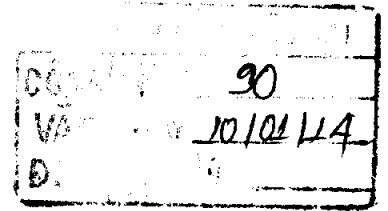
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 256 /UBND-NC

Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2014

V/v thực hiện Thông tư số 24/2013/TT-BTTTT,
Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT của Bộ TTTT.



Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

UBND tỉnh nhận được Thông tư số 24/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ giám định tư pháp và các biểu mẫu giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Thông tư có gửi Sở Thông tin và Truyền thông). Về việc này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các Thông tư nêu trên đến các đối tượng có liên quan biết, thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất ý kiến giải quyết về UBND tỉnh để báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xin ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (VX);
 - Sở Tư pháp;
 - Chánh, Phó Văn phòng NC;
 - Lưu: VT, NC, CNN.
- <Mainc T1>

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Nguyễn Minh Đức

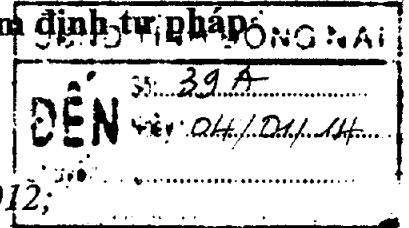


Số: 25/2013/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về hồ sơ giám định tư pháp và các biểu mẫu giám định tư pháp
trong lĩnh vực thông tin và truyền thông



Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về hồ sơ giám định tư pháp và các biểu mẫu giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ giám định tư pháp và các biểu mẫu giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiếp nhận trung cầu, yêu cầu và đối tượng giám định

1. Việc giao, nhận trực tiếp hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định phải được lập thành biên bản và được thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Giám định tư pháp. Chỉ nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định hợp lệ, đúng đối tượng trung cầu, yêu cầu và đúng đối tượng được trung cầu, yêu cầu.

2. Khi tiếp nhận đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có) trong tình trạng niêm phong thì trước khi mở phải kiểm tra kỹ niêm phong. Quá trình mở niêm phong phải có sự chứng kiến của cá nhân hoặc đại diện tổ chức thực hiện giám định và người trung cầu, yêu cầu giám định. Mọi thông tin, diễn biến liên quan đến quá trình mở niêm phong phải được ghi vào biên bản mở niêm phong và có chữ ký xác nhận của các bên tham gia, chứng kiến.

3. Đối với trung cầu, yêu cầu giám định không hợp lệ thì cá nhân hoặc tổ chức được trung cầu, yêu cầu thực hiện giám định phải có văn bản trả lại cơ quan hoặc người trung cầu, yêu cầu và nêu rõ lý do.

4. Khi việc thực hiện giám định hoàn thành, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định cho cơ quan hoặc người trung cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp là toàn bộ các căn cứ pháp lý, văn bản giám định, kết luận giám định và các tài liệu khác có liên quan đến toàn bộ quá trình thực hiện hoạt động giám định.

2. Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông phải được lập theo mẫu thống nhất và bao gồm đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Giám định tư pháp và Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Biểu mẫu văn bản thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

1. Quá trình thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu, yêu cầu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 3 Luật Giám định tư pháp và được lập thành văn bản ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực toàn bộ quá trình và kết quả thực hiện giám định theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu văn bản sau:

a) Mẫu biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định (Mẫu số 01);

b) Mẫu biên bản mở niêm phong (Mẫu số 02);

c) Mẫu kết luận giám định (Mẫu số 03a và 03b);

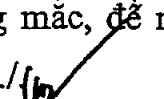
d) Mẫu văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định (Mẫu số 04);

đ) Mẫu biên bản bàn giao kết luận giám định (Mẫu số 05).

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2014.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết. / 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- VP Trung ương và các Ban Đảng;
- VP Quốc hội và các UB của Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Toà án ND Tối cao; Viện Kiểm sát ND Tối cao;
- HĐND, UBND và Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TT&TT;
- Các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ TT&TT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan báo chí;
- Công báo; TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Bắc Sơn



Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Giao nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại:(2)

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan trung cầu giám định (hoặc người yêu cầu giám định):

+ Ông (bà).....chức vụ.....

+ Ông (bà).....chức vụ.....

2- Đại diện.....(3):

+ Ông (bà).....chức vụ.....

+ Ông (bà).....chức vụ.....

3- Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà).....(4)

Tiến hành giao nhận tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/ yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu, yêu cầu giám định số.... (5) như sau:

.....
(Chú ý: Ghi rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng của tài liệu, đối tượng giám định giao nhận).

Biên bản giao, nhận tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/yêu cầu giám định đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Việc giao nhận hoàn thành hồi.....giờ.....ngày...../...../....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU/YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan/Giám định viên tiếp nhận trung cầu.

(2) Địa điểm giao nhận thông tin, tài liệu.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc giám định viên tiếp nhận trung cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

(5) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(1)..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Mở niêm phong

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.... tại:(2)

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan trung cầu/yêu cầu giám định:

+ Ông (bà).....chức vụ.....

+ Ông (bà).....chức vụ.....

2- Đại diện.....(3):

+ Ông (bà).....chức vụ.....

+ Ông (bà).....chức vụ.....

3- Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà).....(4)

Tiến hành thủ tục mở niêm phong tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu, yêu cầu giám định số.... (5) sau đây:

.....
(Chú ý: Ghi nhận rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung và tình trạng tài liệu, đối tượng giám định khi tiến hành mở niêm phong).

Biên bản mở niêm phong đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Việc mở niêm phong hoàn thành hồi.....giờ.....ngày...../...../....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU/YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan/Giám định viên tiếp nhận trung cầu.

(2) Địa điểm tiến hành mở niêm phong.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân yêu cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

(5) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định

Mẫu số 03a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(1).....
GIÁM ĐỊNH CÁ NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH
Các nội dung theo trung cầu giám định ... (2)

Căn cứ Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu và Quyết định cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định cá nhân đối với trung cầu giám định(2), giám định viên đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp:

(ghi rõ họ tên giám định viên hoặc người giám định theo vụ việc)

2. Người trung cầu giám định/người yêu cầu giám định:

a) Cơ quan tiến hành tố tụng:

b) Người tiến hành tố tụng:

c) Văn bản trung cầu giám định số:

d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định:

Kết luận giám định hoàn thành ngày: ...

Địa điểm hoàn thành kết luận giám định cá nhân:

Kết luận giám định này gồm....trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Cơ quan trung cầu giám định: 02 (hai) bản;

- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

Bản kết luận giám định này đã được giám định viên ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỮ KÝ GIÁM ĐỊNH VIÊN/NGƯỜI GIÁM ĐỊNH THEO VỤ VIỆC
(Chữ ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA (1)

.... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của giám định viên..... được cử giám định cá nhân theo Quyết định số (3).

(4)....., ngày tháng năm
(Ký tên, đóng dấu)(5)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận trung cầu.

(2) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

(3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định cá nhân.

(4) Địa điểm hành chính nơi diễn ra việc thực hiện giám định.

(5) Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận trung cầu hoặc cơ quan chứng thực chữ ký.

Mẫu số 03b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(1).....
GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ
(hoặc **HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH**)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH

Các nội dung theo trung cầu/yêu cầu giám định ... (2)

Căn cứ Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu và Quyết định cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) đối với trung cầu giám định(2), các thành viên giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp:

(Ghi rõ họ, tên từng giám định viên hoặc người giám định theo vụ việc)

2. Người trung cầu/yêu cầu giám định:

a) Cơ quan tiến hành tố tụng:

b) Người tiến hành tố tụng:

c) Văn bản trung cầu giám định số:

d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định:

Kết luận giám định hoàn thành ngày: ...

Địa điểm hoàn thành kết luận giám định tập thể:

Kết luận giám định này gồm trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Cơ quan trung cầu giám định: 02 (hai) bản;

- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

Bản kết luận giám định này đã được tập thể các thành viên giám định thảo luận, thông qua, đồng ký tên và chịu trách nhiệm như nhau trước pháp luật./.

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ (hoặc Hội đồng giám định)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

XÁC NHẬN CỦA (1)

.... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của các thành viên được cử tham gia giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) theo Quyết định số (3)

(4)....., ngày tháng năm

(Ký tên, đóng dấu)(5)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận trung cầu.

(2) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

(3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định).

(4) Địa điểm hành chính nơi diễn ra việc thực hiện giám định.

(5) Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận trung cầu hoặc cơ quan chứng thực chữ ký.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(1).....
(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN GHI NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH

Tôi/Chúng tôi gồm:.....

Thực hiện Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức ... (giám định tập thể/giám định cá nhân) đối với trung cầu giám định(4), giám định viên/các thành viên giám định tập thể đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu được ghi nhận quá trình như sau:

NỘI DUNG: (5)

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định đã được cá nhân giám định viên (trường hợp giám định hình thức cá nhân)/tập thể các thành viên giám định (đối với trường hợp giám định tập thể) thảo luận, thông qua, đồng ký tên và lưu hồ sơ giám định (6)/.

(7)...., ngày tháng năm....

CHỮ KÝ GIÁM ĐỊNH VIÊN/CÁC THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

- (1) Tên cơ quan/ Giám định viên tiếp nhận trung cầu.
- (2) Giám định cá nhân/giám định tập thể.
- (3) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức cá nhân hoặc tập thể.
- (4) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung văn bản trung cầu giám định.
- (5) Ghi đầy đủ, chi tiết diễn biến quá trình giám định theo từng ngày; nhiệm vụ của mỗi giám định viên tư pháp, người giám định theo vụ việc trong thực hiện giám định các nội dung theo yêu cầu giám định; Phương pháp thực hiện giám định; Kết luận và các ý kiến giống, khác nhau về đối tượng giám định; Thời gian, địa điểm diễn ra việc giám định theo từng ngày cụ thể; Ngày kết thúc giám định; Địa điểm hoàn thành kết luận giám định và các vấn đề có liên quan khác cần ghi nhận.
- (6) Văn bản ghi nhận quá trình giám định phải được thực hiện hàng ngày trong suốt quá trình giám định. Các thành viên tham gia giám định ngày nào thì trực tiếp ghi ý kiến của mình và ký xác nhận vào văn bản ghi nhận quá trình giám định của ngày đó.
- (7) Địa điểm hành chính nơi diễn ra quá trình giám định.

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Bản giao kết luận giám định tư pháp

- Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012 và các văn bản pháp lý liên quan;
- Căn cứ Quyết định trung cầu/yêu cầu giám định số;
-

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại:(2)

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan trung cầu/yêu cầu giám định:

- + Ông (bà).....chức vụ.....
- + Ông (bà).....chức vụ.....

2- Đại diện.....(3):

- + Ông (bà).....chức vụ.....
- + Ông (bà).....chức vụ.....

3- Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà).....(4)

Tiến hành bàn giao kết luận giám định vụ việc và tài liệu phục vụ giám định theo Quyết định trung cầu/yêu cầu giám định, gồm:

- 02 Bản Kết luận giám định (giá trị pháp lý như nhau), mỗi bảntrang, có đầy đủ chữ ký các thành viên tham gia giám định tư pháp hình thức ... (giám định cá nhân hoặc giám định tập thể), có xác nhận đóng dấu của

- Tài liệu kèm theo Quyết định trung cầu/yêu cầu giám định.... (5)

Việc bàn giao kết luận giám định và tài liệu phục vụ giám định kết thúc hồi ...giờ... cùng ngày; biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã đọc lại cho hai bên giao nhận cùng nghe và thống nhất ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan/ Giám định viên tiếp nhận trung cầu.

(2) Địa điểm giao nhận thông tin, tài liệu.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc giám định viên tiếp nhận trung cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

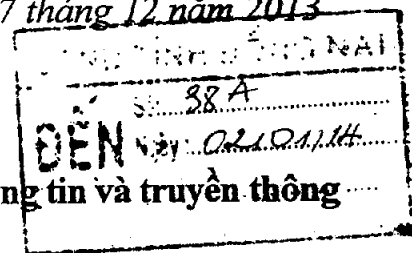
(5) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung thông tin, tài liệu.

Số: 24/2013/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực lĩnh vực thông tin và truyền thông



Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; thủ tục cử người tham gia giám định tư pháp và thành lập hội đồng giám định; hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định và chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, LẬP VÀ CÔNG BỐ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp.

2. Tiêu chuẩn “Có trình độ đại học trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp là có bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp (trường hợp bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục của nước ngoài cấp thì các bằng đó phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên) thuộc một trong các lĩnh vực đào tạo sau đây:

- a) Báo chí;
- b) Xuất bản (bao gồm: xuất bản, in, phát hành);
- c) Bưu chính;
- d) Viễn thông;
- đ) Công nghệ Thông tin;
- e) Điện tử;
- g) Phát thanh, Truyền hình;
- h) Luật;
- i) Kinh tế;
- k) Lĩnh vực đào tạo khác phù hợp với chuyên môn đề nghị bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn “Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp là đã trực tiếp làm công tác chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo

quy định tại khoản 2 Điều này liên tục từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày bổ nhiệm ngạch công chức chính thức hoặc ký hợp đồng lao động chính thức.

Điều 4. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này, lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế xem xét hồ sơ, lựa chọn và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

2. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương:

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 của Thông tư này, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại Điều 5 Thông tư này, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Công văn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của thủ trưởng đơn vị hoặc đơn của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

3. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp.

4. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm hoặc người có đơn đề nghị bổ nhiệm làm việc; Bản sao văn bản của cơ quan, đơn vị để chứng minh thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của người được đề nghị bổ nhiệm hoặc người có đơn đề nghị bổ nhiệm.

Điều 6. Miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Các trường hợp miễn nhiệm, hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

Điều 7. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp:

a) Đối với giám định viên do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bổ nhiệm:

- Vụ Tổ chức cán bộ lập và gửi danh sách giám định viên tư pháp đến Trung tâm Thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

- Trung tâm Thông tin có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được danh sách.

b) Đối với giám định viên tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm:

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm lập, gửi danh sách giám định viên tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 18 của Luật Giám định tư pháp và quy định tại Thông tư này, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Giám định tư pháp được lựa chọn để lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc;

b) Hàng năm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ lựa chọn, lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc gửi Vụ Tổ chức cán bộ trước ngày 01 tháng 10. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện, trình Lãnh đạo Bộ quyết định công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ;

Vụ Tổ chức cán bộ gửi danh sách kèm theo thông tin công bố về người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đến Trung tâm Thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

c) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương III

THỦ TỤC CỬ NGƯỜI THAM GIA GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH; ÁP DỤNG QUY CHUẨN CHUYÊN MÔN, CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH VÀ CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 8. Cử người tham gia giám định tư pháp

1. Tại Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Trường hợp Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được trung cầu giám định tư pháp có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp nội dung trung cầu giám định, đề xuất hình thức giám định là giám định cá nhân hoặc giám định tập thể theo quy định tại Điều 28 Luật Giám định tư pháp, trình Lãnh đạo Bộ quyết định cử người thực hiện giám định và hình thức giám định các nội dung trung cầu.

Trường hợp trung cầu giám định tư pháp có nội dung không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Lãnh đạo Bộ từ chối giám định tư pháp và trả lời cơ quan trung cầu giám định.

b) Trường hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhận được trung cầu, yêu cầu giám định thuộc thẩm quyền giải quyết, thủ trưởng cơ quan đơn vị có trách

nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Tại Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông nhận được trung cầu giám định tư pháp có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp nội dung trung cầu giám định, quyết định hình thức giám định là giám định cá nhân hoặc giám định tập thể theo quy định tại Điều 28 Luật Giám định tư pháp; trả lời cơ quan trung cầu giám định danh sách người được phân công thực hiện giám định và hình thức giám định các nội dung trung cầu;

b) Trường hợp nội dung giám định không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm từ chối giám định tư pháp và trả lời bằng văn bản cho cơ quan trung cầu giám định.

3. Tổ chức, người được phân công giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận nội dung trung cầu giám định, tổ chức thực hiện giám định, kết luận về các nội dung giám định và trả lời cơ quan trung cầu giám định tư pháp theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhận thấy không đủ khả năng giám định các nội dung được giao, tổ chức, người được phân công giám định tư pháp phải từ chối bằng văn bản. Văn bản từ chối được gửi cho người giao nhiệm vụ và cơ quan trung cầu giám định.

Điều 9. Thành lập hội đồng giám định

1. Điều kiện thành lập hội đồng giám định:

a) Hội đồng giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thành lập trong trường hợp quy định tại Điều 30 Luật Giám định tư pháp;

b) Hội đồng giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập.

2. Thành lập hội đồng giám định:

a) Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp với nội dung trung cầu giám định, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng

b) Thành phần, số lượng thành viên và cơ chế hoạt động của hội đồng giám định thực hiện theo Điều 30 Luật Giám định tư pháp.

Điều 10. Áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định và chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp

1. Hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thực hiện căn cứ vào quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông hiện hành (bao gồm Tiêu chuẩn quốc gia và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông) và các văn bản pháp luật có liên quan đến nội dung cần giám định.

2. Tiền chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thu, chi theo quy định của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng; các văn bản quy định chi tiết thi hành và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động giám định tư pháp của Bộ và thực tế chi phí giám định của năm trước, Vụ Pháp chế có trách nhiệm phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính lập dự toán kinh phí hoạt động giám định tư pháp của Bộ để tổng hợp vào dự toán ngân sách chung, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2014 và thay thế Thông tư số 04/2010/TT-BTTTT ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, đề nghị danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc; thủ tục thực hiện giám định và áp dụng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP Trung ương và các Ban Đảng;
- VP Quốc hội và các UB của Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án ND Tối cao; Viện Kiểm sát ND Tối cao;
- HĐND, UBND và Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TT&TT;
- Các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ TT&TT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan báo chí;
- Công báo; TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Bắc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 255 /UBND-NC

Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2014

V/v thực hiện Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg
ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
QUYẾT ĐỊNH SỐ:	<u>77</u>
VĂN PHÒNG:	<u>10/1/14</u>
SỞ TÀI CHÍNH	

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính.

Ngày 01/01/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp (bản sao văn bản kèm theo). Về việc này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

----- Giao trách nhiệm Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, triển khai Quyết định số 01 nêu trên đến các đối tượng có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

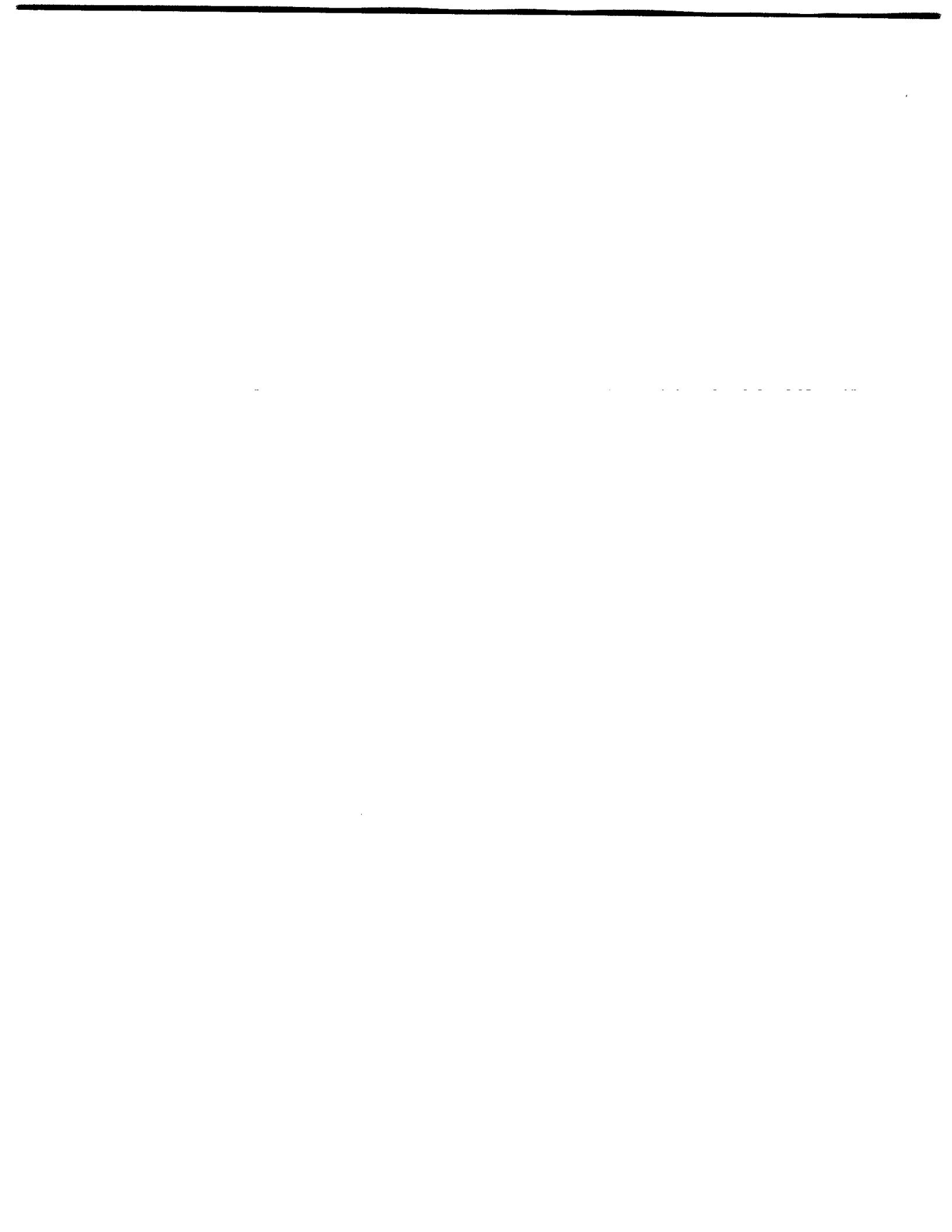
- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (VX);
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KT.

<Mainc.T11>

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Minh Đức

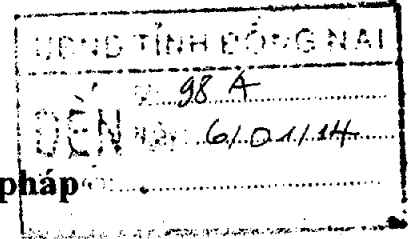


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp



Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện giám định tư pháp.

2. Người giúp việc cho người giám định tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bao gồm: Trợ lý; kỹ thuật viên; y công; cán bộ kỹ thuật hình sự trong trường hợp tham gia khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi; những người khác hỗ trợ cho người giám định tư pháp và tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện giám định do thủ trưởng tổ chức được trưng cầu giám định phân công hoặc do người giám định tư pháp chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định chỉ định.

3. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi.

Điều 2. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo ngày công

1. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo ngày công được áp dụng đối với việc giám định tư pháp trong các lĩnh vực: Pháp y về độc chất, tổ chức học, sinh học, giám định trên hồ sơ; pháp y tâm thần; kỹ thuật hình sự; tài chính; ngân hàng; văn hóa; xây dựng; tài nguyên và môi trường; thông tin và truyền thông; nông - lâm - ngư nghiệp và các lĩnh vực khác.

2. Mức bồi dưỡng giám định tư pháp một ngày công đối với một người thực hiện giám định quy định tại Khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Mức 150.000 đồng áp dụng đối với việc giám định không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này;

b) Mức 300.000 đồng áp dụng đối với việc giám định phải tiếp xúc với đối tượng giám định mang nguồn bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc phải giám định trong khu vực đang có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc nhóm B quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; hoặc phải thực hiện giám định trong môi trường bị ô nhiễm nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Mức 500.000 đồng áp dụng đối với việc giám định phải tiếp xúc với đối tượng giám định nhiễm HIV/AIDS, mang nguồn bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm hoặc phải thực hiện giám định trong khu vực đang có dịch bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm thuộc nhóm A quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; hoặc phải tiếp xúc với chất phóng xạ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất ban hành kèm theo Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 (sau đây viết chung là Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP) và chất độc hại, nguy hiểm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ngày công thực hiện giám định tư pháp được tính là 8 giờ thực hiện giám định. Số tiền bồi dưỡng cho một việc giám định được tính như sau:

$$\text{Số tiền bồi dưỡng} = \frac{\text{Số giờ giám định} \times \text{mức bồi dưỡng một ngày công}}{8 \text{ giờ}}$$

Thời gian, khối lượng công việc cần thiết cho việc thực hiện giám định theo quy trình thực hiện giám định chuẩn của từng lĩnh vực do Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp quy định.

4. Trường hợp thời gian thực hiện giám định vượt quá 8 giờ/ngày thì tổng thời gian làm giám định tăng thêm không vượt quá 300 giờ/năm.

5. Trường hợp phải thực hiện giám định tư pháp vào ngày nghỉ hằng tuần thì mức bồi dưỡng được tính bằng 02 lần mức bồi dưỡng giám định tư pháp tương ứng quy định tại Khoản 2 Điều này.

Trường hợp phải thực hiện giám định tư pháp vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định thì mức bồi dưỡng được tính bằng 03 lần mức bồi dưỡng giám định tư pháp tương ứng quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc

1. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc được áp dụng đối với giám định trên người sống và trên tử thi trong lĩnh vực pháp y.

2. Mức bồi dưỡng cho một người thực hiện giám định trên người sống được quy định như sau:

a) Mức 160.000 đồng/nội dung yêu cầu giám định đối với khám chuyên khoa sâu ở các chuyên khoa;

b) Mức 200.000 đồng/nội dung yêu cầu giám định đối với khám tổng quát;

c) Mức 300.000 đồng/nội dung yêu cầu giám định đối với trường hợp hội chẩn chuyên môn sâu do người giám định tư pháp là chuyên gia ở các chuyên khoa thực hiện.

3. Mức bồi dưỡng cho một người thực hiện giám định tử thi mà không mổ tử thi và tử thi không được bảo quản theo đúng quy chuẩn hoặc ở trạng thái thối rữa tự nhiên được quy định như sau:

a) Mức 600.000 đồng/tử thi đối với người chết trong vòng 48 giờ;

b) Mức 800.000 đồng/tử thi đối với người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày;

c) Mức 1.000.000 đồng/tử thi đối với người chết quá 7 ngày.

4. Mức bồi dưỡng cho một người thực hiện giám định mô tử thi mà tử thi không được bảo quản theo đúng quy chuẩn hoặc ở trạng thái thối rữa tự nhiên được quy định như sau:

a) Mức 1.500.000 đồng/tử thi đối với người chết trong vòng 48 giờ;

b) Mức 2.500.000 đồng/tử thi đối với người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày;

c) Mức 3.000.000 đồng/tử thi đối với người chết quá 7 ngày;

d) Mức 4.500.000 đồng/tử thi đối với người chết quá 7 ngày và phải khai quật.

5. Trong trường hợp tử thi được bảo quản theo đúng quy chuẩn do Bộ Y tế ban hành thì người giám định tư pháp được hưởng 75% mức bồi dưỡng giám định tương ứng quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

6. Khi thực hiện giám định pháp y về tử thi quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này mà đối tượng giám định bị nhiễm HIV/AIDS, mang nguồn bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm hoặc phải thực hiện giám định trong khu vực đang có dịch bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm, nguy hiểm thuộc nhóm A, nhóm B quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 3 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; hoặc phải tiếp xúc với chất phóng xạ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất ban hành kèm theo Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP, chất độc hại, nguy hiểm khác theo quy định của pháp luật có liên quan thì áp dụng mức bồi dưỡng tương ứng quy định tại Điểm c Khoản 3 hoặc Điểm d Khoản 4 Điều này.

7. Mức bồi dưỡng cho một người thực hiện giám định hài cốt được quy định như sau:

a) Mức 3.000.000 đồng/hài cốt;

b) Mức 4.000.000 đồng/hài cốt trong trường hợp phải thực hiện giám định trong khu vực đang có dịch bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm, nguy hiểm thuộc nhóm A, nhóm B quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; hoặc phải tiếp xúc với chất phóng xạ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất ban hành kèm theo Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và

Nghị định số 26/2011/NĐ-CP, chất độc hại, nguy hiểm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Mức bồi dưỡng đối với người giúp việc cho người giám định tư pháp; người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi

1. Người giúp việc cho người giám định tư pháp được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này được hưởng bằng 70% mức bồi dưỡng mà người giám định tư pháp được hưởng.

2. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán được quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định này được hưởng bằng 30% mức bồi dưỡng mà người giám định tư pháp được hưởng.

Điều 5. Nguồn kinh phí và nguyên tắc chi trả tiền bồi dưỡng giám định tư pháp

1. Kinh phí chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp đối với các vụ án hình sự hoặc vụ việc giám định do cơ quan điều tra có thẩm quyền trung cầu do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Hằng năm, cơ quan tiến hành tố tụng phải lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp phát kinh phí bảo đảm chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp. Việc sử dụng kinh phí chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kinh phí chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp đối với các vụ việc dân sự, vụ án hành chính mà do cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu theo yêu cầu của đương sự do đương sự chi trả theo quy định của pháp luật về tố tụng, chi phí giám định, định giá trong tố tụng.

3. Cơ quan trung cầu giám định có trách nhiệm tạm ứng tiền bồi dưỡng giám định khi trung cầu giám định và phải thanh toán tiền bồi dưỡng giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp ở các Bộ, ngành và địa phương; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan kiểm tra việc triển khai thực hiện chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp; sơ kết, tổng kết và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, quy định áp dụng đối với từng loại việc giám định và xác định thời gian, số người làm giám định đối với từng loại việc giám định ở lĩnh vực giám định do Bộ, ngành mình quản lý; tổ chức thực hiện, kiểm tra về tình hình thực hiện chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành mình và hằng năm gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan quy định về thành phần, số lượng người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân công thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định này.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn về căn cứ, thủ tục lập dự toán, cấp phát, quản lý, sử dụng kinh phí chi trả tiền bồi dưỡng giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng; hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh toán chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định của Quyết định này; chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan kiểm tra tình hình dự toán, cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp ở các Bộ, ngành và địa phương.

5. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan liên quan có trách nhiệm lập dự toán, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cấp phát và bảo đảm kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp do các cơ quan tiến hành tố tụng thuộc ngành mình trưng cầu.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp ở địa phương mình và hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2014.

2. Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với giám định viên tư pháp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). *300*



Nguyễn Tấn Dũng

1900

1901

1902

1903

1904

1905

1906

1907

1908

1909

1910

1911

1912

1913

1914

1915

1916

1917

1918

1919

1920

1921

1922
